

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HS-ST
Ngày 12 tháng 01 năm 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Phước Tự.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông: Nguyễn Hoàng Minh.

2/ Ông: Trần Quang Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong - Thư ký tòa án nhân dân huyện Thanh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Hùng Dương - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 12 tháng 01 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 60/2022/TLST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2022/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

- Họ và tên: Phạm Văn L (tên gọi khác: Không) sinh năm 1993, tại: tỉnh: Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp 2, xã 3, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn L, sinh năm: 1964 và bà Võ Thị B, sinh năm 1963 (chết); gia đình bị cáo: có 05 anh em, bị cáo là con thứ út; vợ; con: chưa có; tiền sự: 01 lần vào ngày 15/6/2021 bị Công an xã 3 xử phạt 1.500.000đ về hành vi đánh bạc đã nộp phạt xong ngày 20/8/2021 chưa được xóa tiền sự; tiền án: không; bị bắt tạm giữ: 26/11/2022; tạm giam: 29/11/2022 hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Công ty cổ phần BC.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị C, sinh năm 1965 – Chủ tịch hội đồng quản trị; Trú tại; Tổ 10, thị trấn 3, huyện 4, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà C:

Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1978; trú tại: Khóm 11, thị trấn 4, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Võ Thị Mỹ L, sinh năm: ngày 10/6/2008; Trú tại: Ấp 2, xã 3, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp,

2. Võ Thị Thúy V, sinh năm: ngày 10/10/2009; Trú tại: Ấp 2, xã 3, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp,

Giám hộ cho L và V, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

Bà Phan Thị N, sinh năm: 1970 (bà nội của L và V); Trú tại: Ấp 2, xã 3, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, có đơn xét xử vắng mặt.

3. Trịnh Văn N1, sinh năm: 1991; Trú tại: Ấp 2, xã 3, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, có đơn xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Đặng Quốc B, sinh năm 1983, vắng mặt.

2. Lê Trần N2, sinh năm: 1978, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phạm Văn L là người không có nghề nghiệp, nhưng lại lười lao động thấy nhà thầu xây dựng lộ nông thôn Ấp 2, xã 3 thiếu cảnh giác không trông coi các thiết bị vật tư chặt chẽ. Vào lúc 22 giờ đêm ngày 17/12/2021 Phạm Văn L một mình bơi xuống đến nơi công trình lấy trộm sắt phi 10 gồm 18 khúc chiều dài 3,4m và 17 khúc chiều dài 4,4m sau đó chở về cất giấu dưới sàn nhà của L rồi đi ngủ. Đến 02 giờ ngày 18/12/2021 Phạm Văn L bơi xuống qua nhà bà Phan Thị N ở bờ bên sông, cách hiện trường khoảng 100m, L rủ Võ Thị Mỹ L sinh ngày 10/6/2008 và Võ Thị Thúy V sinh ngày 10/10/2009 là cháu nội bà Phan Thị N (đang sống cùng bà N) cùng đi trộm sắt công trình. L và V đồng ý nên cả 03 đi bộ lại công trình, lần lượt khoảng 07 lần khiêng lấy 169 khúc sắt dài 11,7m, 18 khúc dài 2,9m, 05 khúc dài 3,9m và 01 khúc dài 3,4m tất cả là sắt loại phi 10, lần này thì cất giấu tại sàn nhà bà N, sáng lại bà N quét dọn nhà thì phát hiện số sắt trên nên bà N tra hỏi L và V thì cả 02 đã nói sắt của công trình do Phạm Văn L rủ đi lấy trộm.

Về phía Công ty cổ phần BC là thầu công trình không hề hay biết cho đến 06 giờ sáng lại 18/12/2021 khi Đặng Quốc B là công nhân đến công trình lấy sắt

để thi công thì mới phát hiện bị mất nên đã báo Công ty, trên cơ sở đó Công ty BC đã trình báo công an để xác minh, qua truy tìm thì phát hiện thu giữ toàn bộ số sắt mà bị cáo đã trộm của công trình cất giấu tại sàh nhà của bị cáo, cũng như sàh nhà bà N.

Về phía Phạm Văn L sau khi thực hiện hành vi phạm tội thì bỏ trốn cho đến ngày 26/11/2022 đã đến Công an huyện Thanh Bình đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi lấy trộm sắt của Công ty BC như nội dung đã nêu trên.

Theo kết quả định giá tài sản số 06/KL-HĐ ngày 28/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Thanh Bình, kết luận:

Sắt phi 10 chiều dài mỗi cây 11,7m có ký hiệu VAS Gr40 d10 bao gồm:

- 169 cây dài 11,7m có giá trị 20.702.500đ.
- 18 khúc dài 2,9m giá trị 546.350đ.
- 05 khúc dài 3,9m giá trị 203.350đ.
- 17 khúc dài 24,4m giá trị 784.000đ.
- 19 khúc dài 3,4m giá trị 673.750đ.

Tổng cộng tài sản bị cáo chiếm đoạt là 22.909.950 đồng (trong đó ngày 17/12/2021 chiếm đoạt là 1.422.280 đồng; ngày 18/12/2021 chiếm đoạt là 21.487.670 đồng).

Trong vụ án này còn có Võ Thị Mỹ L và Võ Thị Thúy V cùng phạm tội với bị cáo, nhưng L và V chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Phan Thị N (chủ nhà có số sắt mà bị cáo cất giấu) và ông Trịnh Văn N1 (chủ chiếc xuồng mà bị cáo mượn để đi lại) hoàn toàn không biết việc phạm tội của bị cáo nên không có hành vi phạm tội.

Tại bản cáo trạng số: 02/CT-VKSTB ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình đã truy tố bị cáo Phạm Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS. Tại phiên tòa Viện kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng truy tố. Vì có đủ cơ sở xác định bị cáo Phạm Văn L thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của Công ty cổ phần BC đang tập kết xây dựng đường nông thôn tại Ấp 2, xã 3 số lượng sắt phi 10 có giá trị là 22.909.950 đồng. Trong quá trình thực hiện hành vi bị cáo đã xúi giục người dưới 18 tuổi cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội, bản thân bị cáo không có công ăn việc làm, nhưng lại tham gia đánh bạc hơn thua bằng tiền bị xử phạt hành chính, sau khi thực hiện hành vi đã bỏ trốn gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng. Khi thực hiện hành vi bị cáo nhận thức được là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, hành vi của bị cáo Phạm Văn L đã có đầy

đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” phạm vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ, hậu quả tác hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nguyên nhân điều kiện dẫn đến phạm tội và nhân thân của bị cáo. Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù; Về hình phạt bổ sung không áp dụng; Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự đã xử lý xong không xem xét lại.

Trong phần tranh luận bị cáo Phạm Văn L thừa nhận đã phạm tội nên không tranh luận với Kiểm sát viên.

Nói lời sau cùng bị cáo Phạm Văn L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để sớm về hòa nhập cộng đồng và lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện và Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Phạm Văn L thừa nhận đã lén lút 02 lần liên tiếp trong đêm 17 sáng 18 tháng 12 năm 2021 đã lén lút lấy số sắt phi 10 của Công ty cổ phần BC đang tập kết thi công đường nông thôn ấp 2, xã 3, huyện Thanh Bình lần đầu bị cáo một mình thực hiện đem về cất giấu tại sân nhà bị cáo, lần 02 bị cáo rủ thêm cháu Võ Thị Mỹ L mới 13 tuổi, Võ Thị Thúy V mới 12 tuổi cùng tham gia lấy trộm đem về cất giấu tại sân nhà bà N, theo định giá tài sản có tổng giá trị là 22.909.950 đồng. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của cháu L và cháu V là những người đã cùng với bị cáo trực tiếp lấy sắt của công ty cổ phần BC tại Ấp 2, xã 3, đúng với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, số tài sản bị mất trộm đã thu hồi tại sân nhà bị cáo, cũng như sân nhà bà N đã được phía công ty BC xác định là đúng tài sản của họ bị mất khi đang thi công

tại công trình. Khi thực hiện hành vi bị cáo nhận thức đầy đủ việc lén lút lấy tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, xâm phạm sở hữu tài sản của người khác trái phép, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó hành vi của bị cáo đã có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” phạm vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự;

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự có quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Văn L là rất nguy hiểm cho xã hội làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương, kỹ cương pháp luật bị xâm hại, bị cáo không tôn trọng tài sản của người khác, xâm phạm khách thể là quyền sở hữu tài sản được luật hình sự bảo vệ. Quá trình thực hiện tội phạm bị cáo bị cáo đã lôi kéo và xúi giục 02 em nhỏ cùng tham gia đây là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, đồng thời sau khi thực hiện tội phạm bị cáo đã bỏ trốn gây khó khăn cho công tác điều tra, về nhân thân bị cáo đã có một tiền sự về tội đánh bạc chưa được xóa tiền sự thì lại phạm tội. Vì vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử công khai như ngày hôm nay là cần thiết, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt về sau này đồng thời nhằm răn đe giáo dục chung trong xã hội.

Tuy nhiên, quá trình điều tra và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã ra đầu thú, đây là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên HĐXX cũng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Qua lời khai của bị cáo có trong hồ sơ, cũng như lời trình bày tại phiên tòa thể hiện bị cáo Phạm Văn L không có nghề nghiệp, kinh tế khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình thức phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Xét lời đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, đồng thời phù hợp với phân tích, nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận toàn bộ.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại đầy đủ tài sản bị mất trộm nên không có yêu cầu bồi thường do đó không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ: Quá trình Điều tra cơ quan Điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu và xử lý đúng theo quy định nên không xem xét lại.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị Quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”

1- Xử phạt Phạm Văn L – 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ: 26/11/2022.

2. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày hôm nay tuyên án 12/01/2023. Đối với người liên quan vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CSĐT CA huyện Thanh Bình;
- THA HS CA huyện Thanh Bình;
- CC THA huyện Thanh Bình;;Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án. (Phong)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Trương Phước Tự